

BÁO CÁO

Kết quả chỉ đạo, điều hành, hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020

Phần thứ I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc báo cáo kết quả chỉ đạo, điều hành, hoạt động như sau:

1. Ban hành các văn bản chỉ đạo

Các thành viên Ban chỉ đạo, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của ngành phụ trách đã tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh ban hành các văn bản làm cơ sở để triển khai, thúc đẩy hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Kế hoạch số 10041/KH-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về cải cách hành chính năm 2019 tỉnh Vĩnh Phúc.

- Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh về bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin cho vận hành, khai thác, sử dụng Phần mềm một cửa điện tử tỉnh và Phần mềm một cửa hành chính công cấp tỉnh.

- Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh công bố xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2018.

- Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh về ứng phó sự cố bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh quy định thời gian hoạt động của đại lý, điểm truy nhập Internet công cộng và giao thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

- Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước và phát triển chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-CP của Chính phủ về chính phủ điện tử và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/2019/NQ-CP của UBND tỉnh Vĩnh Phúc

a) Hạ tầng ứng dụng Công nghệ thông tin

- 100% các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp huyện trở lên có mạng LAN, 100% kết nối Internet cáp quang; gần 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, khoảng 95% cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, 80% cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính.

- Đã được Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) tỉnh Vĩnh Phúc và thí điểm kết nối một số hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin qua LGSP của tỉnh như: dịch vụ liên thông hồ sơ thủ tục hành chính qua LGSP; dịch vụ nền tảng quản lý văn bản.

b) Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng

- Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng đã xây dựng trực đường cáp quang và lắp đặt thiết bị đầu cuối tại 55 cơ quan, đơn vị. Từ năm 2014, hệ thống mạng diện rộng của tỉnh đã kết nối 33 đơn vị, địa phương qua mạng truyền số liệu chuyên dùng, năm 2020 đang thực hiện kết nối đến 169 đơn vị, địa phương, đồng bộ đến cấp xã.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Cổng Thông tin-Giao tiếp điện tử (TT-GTĐT), Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đăng tải 1.981 thủ tục hành chính (TTHC), chủ yếu là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và 2. Cổng Dịch vụ công tỉnh đã kết nối, liên thông, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trên địa bàn tỉnh hiện có 369 danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, trong đó: cấp tỉnh 325 danh mục, cấp huyện 39 danh mục, cấp xã 05 danh mục; có 06 dịch vụ công mức độ 4 của tỉnh kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Từ khi chính thức vận hành, trên Cổng dịch vụ công của tỉnh đến nay đã phát sinh 1.310 hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số 12.572 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 10,42%.

- Năm 2019, Hệ thống một cửa dùng chung của tỉnh đã tiếp nhận 314.984 hồ sơ, đã giải quyết 252.856 hồ sơ, đạt 80,28% (trong số này, giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt 93,8%). Qua Trung tâm phục vụ hành chính công đã tiếp nhận 36.451 hồ sơ, đã giải quyết 34.664 hồ sơ, đạt 95,09% (trong số này, giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt 98,17%). Ngày 01/11/2019, chữ ký số, bàn ký điện tử và phần mềm Zalo để trao đổi thông tin với người nộp hồ sơ được chính thức vận hành, sử dụng, mang lại kết quả tích cực, tiết kiệm chi phí, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Từ đầu năm 2020 đến nay, Trung tâm phục vụ hành chính công đã tiếp nhận 12.572 hồ sơ, đã giải quyết 9.962 hồ sơ, đạt 79,24% (trong số này, giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt 98,02%).

d) Về việc triển khai hệ thống văn bản điện tử và kết nối liên thông với Trục văn bản quốc gia

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành đã triển khai đồng bộ đến các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh. Phần mềm đã sử dụng mã định danh các cơ quan nhà nước ban hành tại Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh; thực hiện liên thông với Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành qua Trục liên thông văn bản quốc gia; bảo đảm tích hợp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ, đáp ứng quy trình gửi, nhận văn bản điện tử tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ. Tỷ lệ văn bản điện tử ký số của toàn tỉnh đến tháng 4/2020 trên 85% (cấp tỉnh trên 95%, cấp huyện trên 75%).

e) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

- Tại 100% các sở, ngành, huyện, thành phố đã được trang bị các thiết bị tường lửa tối thiểu, cài đặt phần mềm diệt virus cho các máy tính cá nhân; phối hợp tốt, chặt chẽ với các cơ quan chuyên trách an toàn thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác bảo đảm an toàn thông tin, cảnh báo, ứng cứu sự cố an toàn thông tin. Đến nay, các sự cố đều được khắc phục, ngăn chặn kịp thời, không có trường hợp sự cố nghiêm trọng nào xảy ra đối với các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Tổ chức triển khai cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản lý tập trung nhằm nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại cho các máy trạm và thiết bị đầu cuối tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Phần mềm có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu mã độc về Bộ Thông tin và Truyền thông.

f) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công tác đào tạo nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin tiếp tục được quan tâm. Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các Sở, ngành, địa phương hằng năm đều tham gia các khóa đào tạo kiến thức chuyên sâu về an ninh mạng, kỹ năng về an toàn thông tin; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Hạn chế tồn tại

- Xếp hạng Chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam năm 2019 (Việt Nam ICT Index 2019), tỉnh Vĩnh Phúc có nhiều chỉ số xếp hạng thấp, cụ thể:

+ Chỉ số phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, xếp thứ 2/7 tỉnh Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, 7/63 toàn quốc;

+ Cổng thông tin điện tử cấp tỉnh xếp thứ 2/7 Vùng, 16/63 toàn quốc.

+ Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước xếp thứ 6/7 Vùng, 24/63.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước xếp thứ 5/7 Vùng, 37/63 toàn quốc.

+ Xếp hạng phát triển Chính phủ điện tử xếp thứ 7/7 Vùng, 38/63 toàn quốc.

+ Chỉ số triển khai dịch vụ công xếp thứ 7/7 Vùng, 58/63 toàn quốc.

- Tham mưu ban hành các văn bản để tạo môi trường pháp lý triển khai các nhiệm vụ còn chậm (Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản; Quy chế sử dụng, vận hành Hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ban hành chậm so với tiến độ; chưa ban hành Quy chế phối hợp quản lý, sử dụng chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước; chưa cập nhật Khung kiến trúc Chính phủ điện tử tỉnh Vĩnh Phúc phiên bản 2.0).

- Chưa xây dựng được Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, các cơ quan, đơn vị chưa tham mưu ban hành hệ thống biểu mẫu chỉ tiêu báo cáo của ngành phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Số dịch vụ công mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia còn rất ít.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của địa phương chỉ đạt 10,42%% (thấp hơn mục tiêu là 20% trở lên); Cổng dịch vụ công của tỉnh chưa cung cấp giao diện cho các thiết bị di động, chưa kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu các Bộ, ngành Trung ương để thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.

- Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử của tỉnh và các cổng thành phần chưa đáp ứng đủ các yêu cầu được quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chưa ứng dụng Hệ thống Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

- Người dân và doanh nghiệp khi tham gia hệ thống thông tin do tỉnh cung cấp chưa được xác thực danh điện tử.

- Về an toàn thông tin theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ chưa đáp ứng được yêu cầu, còn thiếu nhiều hệ thống như: Hệ thống giám sát tập trung, để phân tích, cảnh báo, điều tra về sự cố an toàn thông tin mạng; thiếu hệ thống giám sát an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin; thiếu hệ thống giám sát không gian mạng phục vụ bảo vệ danh tính lãnh đạo cấp tỉnh; thiếu hệ thống xác thực người dùng tập trung; thiếu hệ thống chống mất dữ liệu; thiếu hệ thống chứng thực chữ ký số tập trung cho các giao dịch chính quyền điện tử. Nhân lực an toàn thông tin rất thiếu, hiện nay chỉ có 05 cán bộ kỹ thuật vận hành Trung tâm Dữ liệu theo tiêu chuẩn quốc tế 2⁺ và kiêm nhiệm bảo đảm an toàn thông tin cho tỉnh.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

- Lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu, hoặc người được người đứng đầu giao nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển công nghệ thông tin của nhiều ngành, địa phương chưa thực sự quyết tâm, gương mẫu ứng dụng công nghệ thông tin, chưa thực sự là người sử dụng đầu tiên và thường xuyên, hằng ngày các ứng dụng Chính phủ điện tử nên việc ứng dụng, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin còn gặp khó khăn, hiệu quả không như mong muốn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin chưa thuận tiện cho tổ chức, người dân sử dụng, chưa có nhiều ứng dụng có phân hệ giao diện trên thiết bị di động; chưa tích cực ứng dụng các công nghệ mới như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối thời gian thực.

- Việc phân công, điều phối đơn vị chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử còn lúng túng; có những nội dung tham mưu không bám sát hoặc không căn cứ vào Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

- Đội ngũ cán bộ làm về công nghệ thông tin thực hiện tham mưu và triển khai nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử tại các đơn vị, địa phương còn thiếu và hạn chế về trình độ, năng lực, chưa tham mưu được những nhiệm vụ thiết thực, hiệu quả đối với ngành, địa phương.

- Chưa có chính sách thu hút người làm công nghệ thông tin có trình độ chuyên môn tốt, nhất là chuyên môn về an toàn thông tin.

- Nhận thức về an toàn thông tin của lãnh đạo các cấp còn chưa đầy đủ dẫn đến không có công chức, viên chức làm công tác an toàn thông tin tại các vị trí trọng yếu.

b) Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, đầu tư về công nghệ thông tin còn thiếu, chưa đồng bộ (các Nghị định về định danh, xác thực điện tử; bảo vệ dữ liệu cá nhân; các thông tư hướng dẫn Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước) hoặc ban hành chưa kịp thời.

- Chưa hình thành các Hệ thống định danh và xác thực điện tử Quốc gia, Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch công trực tuyến toàn quốc, Trung tâm giám sát Quốc gia về Chính phủ điện tử dẫn đến khó khăn trong việc triển khai đồng bộ các nội dung liên quan đến Chính phủ điện tử.

- Các cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu Quốc gia về đất đai triển khai chậm; nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia chưa sẵn sàng cho việc kết nối, chia sẻ; các hệ thống thông tin trên Trung ương triển khai xuống địa phương còn thiếu tính đồng bộ.

- Nhiều Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành bộ tiêu chí của hệ thống báo cáo phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Rà soát và triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đã giao trong các kế hoạch về phát triển chính quyền điện tử từ trung ương đến địa phương, đặc biệt phải hoàn thành các mục tiêu tại Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử với các Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử Bộ, ngành, địa phương ngày 12/02/2020 (Thông báo số 139/TB-VPCP ngày 3/4/2020 của Văn phòng Chính phủ, Văn bản số 1718/BTTTT-THH ngày 11/5/2020 của Bộ TT&TT).

2. Chỉ đạo việc tổng kết Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 09/5/2006 về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2006-2010; tham mưu Tỉnh uỷ, UBND tỉnh ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc, hướng tới chính quyền số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ban hành Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc, phiên bản 2.0; Ban hành Đề án đầu tư hạ tầng thông tin - truyền thông thiết yếu và hệ thống thông tin làm nền tảng chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2020-2025.

3. Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung LGSP để kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng công nghệ thông tin trong tỉnh và kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các Bộ, ngành Trung ương.

4. Phân đấu chỉ tiêu 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 kết nối liên thông, đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia; điều chỉnh giao diện Cổng dịch vụ công của tỉnh thuận tiện, dễ sử dụng cho người dùng; tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên thông trên Cổng dịch vụ công Quốc gia bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng tuân thủ các tiêu chí về chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; phát triển phân hệ giao diện trên thiết bị di động. Kết nối Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc, hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia.

5. Nâng cao hiệu quả của Hệ thống thông tin một cửa điện tử, bảo đảm 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của 3 cấp tỉnh, huyện, xã được thực hiện trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

6. Nâng cấp Cổng thông tin Giao tiếp điện tử của tỉnh và các Cổng thông tin thành phần bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

7. Vận hành hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành, bảo đảm toàn bộ văn bản đi và đến (trừ văn bản mật) được luân chuyển, xử lý trên hệ thống phần mềm, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực tiếp ký số văn bản đi trên phần mềm; triển khai thực hiện việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ; đến hết tháng 6 năm 2020, 100% văn bản điện tử được gửi, nhận ở tất cả các cấp chính quyền đáp ứng yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, thể thức, ký số và xác thực theo quy định.

8. Triển khai hoạt động giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC), kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

9. Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh có khả năng tổng hợp số liệu của các cấp, các ngành và kết nối, liên thông chia sẻ với các hệ thống thông tin của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Bám sát các chỉ đạo, định hướng của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương để triển khai thực hiện nhiệm vụ kịp thời, đúng tiến độ về Chính phủ điện tử; tham khảo mô hình, học tập kinh nghiệm tại các địa phương đã thực hiện hiệu quả xây dựng chính quyền điện tử. Tập trung triển khai, ưu tiên nguồn lực để hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về Chính phủ điện tử đặt ra tại Nghị quyết 17/NQ-CP và Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

2. Tăng cường các nguồn lực về tài chính và nhân lực an toàn thông tin cho xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh. Tham mưu với UBND tỉnh đầu tư hạ tầng, ứng dụng CNTT một cách đồng bộ, có hệ thống, trước mắt là các dự án cấp bách về hạ tầng thông tin thiết yếu, các nền tảng ứng dụng, tích hợp dùng chung.

3. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ các Sở, ngành, cấp huyện, cấp xã vận hành các dịch vụ công mức độ 4 của tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh ban hành chính sách ưu đãi đặc thù đối với cán bộ làm về CNTT.

4. Quyết liệt chỉ đạo việc vận hành, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan đơn vị, xem xét trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trong trường hợp các ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị hoạt động không hiệu quả.

5. Công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng chính quyền điện tử phải bám sát kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh và các quy định về đầu tư, bảo đảm thiết thực, an toàn, hiệu quả.

6. Định kỳ hằng tháng, cơ quan thường trực xây dựng chính quyền điện tử báo cáo UBND tỉnh về tình hình triển khai xây dựng chính quyền điện tử, những khó khăn, vướng mắc và các kiến nghị, đề xuất.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỚI BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

1. Đề nghị Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về định danh, xác thực điện tử; bảo vệ dữ liệu cá nhân; sớm hình thành các Hệ thống định danh và xác thực điện tử Quốc gia, Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch công trực tuyến toàn quốc, Trung tâm giám sát Quốc gia về Chính phủ điện tử; đẩy nhanh xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu Quốc gia về đất đai

làm nền tảng đặc biệt quan trọng để triển khai xây dựng chính quyền điện tử đồng bộ, hiệu quả.

2. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông định hướng khoảng 03-05 khung mẫu chính quyền điện tử cấp tỉnh, cho các địa phương có thể lựa chọn, áp dụng.

3. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn trong lập, giao dự toán các nội dung liên quan đến Chính phủ điện tử.

4. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương có các hệ thống thông tin dùng chung sớm hoàn thiện, đồng thời ban hành bộ tiêu chí của Hệ thống thông tin báo cáo chuyên ngành, để các địa phương làm căn cứ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh.

5. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn xác định đơn giá nhân công, trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (hiện nay tỉnh Vĩnh Phúc đang vận dụng đơn giá nhân công xây dựng).

Trên đây là Báo cáo hoạt động Ban chỉ đạo Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020./.

Nơi nhận:

- BCDQG về CPĐT (B/c);
- Bộ TTTT (B/c);
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh (B/c);
- Thành viên BCD CQĐT tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, TP;
- Thành viên Tổ giúp việc BCD;
- Lưu: VT (90b).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**GIÁM ĐỐC
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Nguyễn Bá Hiến**